

Số: /2020/QĐ-UBND Long An, ngày tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An được ban hành kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Long An được ban hành theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 4589/TTr-STC ngày 25/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An được ban hành kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các nội dung còn lại tại quy định kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh vẫn còn giá trị pháp lý để thực hiện.

Điều 2. Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/01/2020. Thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- TT. UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT; các PCT.UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP.Hòa;
- Phòng KTTTC + CTHĐND;
- Lưu: VT, Dung.

QĐ-STC-SUA ĐỔI BỔNG MỘT SỐ ĐIỀU QĐ12/2017

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Cần

QUY ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An được ban hành kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày /01/2020 của UBND tỉnh Long An)

Điều 1. Sửa đổi một số nội dung chi tại khoản 3 Điều 4: Chi bồi dưỡng cho đại biểu HĐND kiêm nhiệm

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi
	Cấp Xã
Thường trực HĐND kiêm nhiệm (đại biểu/tháng)	350.000
Trưởng, Phó Ban HĐND kiêm nhiệm (đại biểu/tháng)	300.000

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung chi tại khoản 5, Điều 4: Chi cho các kỳ họp HĐND, các phiên họp do Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân triệu tập

1. Chi cho các kỳ họp HĐND

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ tọa kỳ họp (đồng/người/ngày)	200.000	150.000	130.000
Đại biểu, khách mời tham dự kỳ họp (đồng/người/ngày)	150.000	120.000	90.000
Thư ký kỳ họp (đồng/người/ngày)	150.000	120.000	90.000
Tổng hợp ý kiến cử tri trình kỳ họp và tổng hợp ý kiến cử tri sau kỳ họp (đồng/1 báo cáo)	600.000	450.000	300.000
Tổng hợp ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp (đồng/1 báo cáo).	600.000	400.000	300.000

	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Tổ trưởng và thư ký tổ thảo luận tại kỳ họp (người/ngày).	100.000	80.000	70.000
Xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết do Thường trực HĐND trình (đồng/1 nội dung)	500.000	350.000	250.000
Rà soát, hoàn thiện Nghị quyết (đồng/1 nghị quyết)	200.000	120.000	60.000
Soạn các bài phát biểu khai mạc, bế mạc; chương trình kỳ họp; đề cương tiếp xúc cử tri; gợi ý thảo luận Tổ; tổng hợp nội dung chất vấn; chương trình phiên chất vấn; kết luận phiên chất vấn; biên bản kỳ họp; thông báo kết quả kỳ họp; các văn bản, báo cáo còn lại có liên quan đến kỳ họp (đồng/1 văn bản).	300.000	200.000	100.000

2. Chi các phiên họp, cuộc họp do Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân triệu tập (không bao gồm hoạt động thẩm tra của các Ban HĐND)

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp (đồng/người/cuộc)	100.000	80.000	60.000
Thành viên tham dự cuộc họp (đồng/người/cuộc)	80.000	60.000	50.000

3. Chi các cuộc họp thẩm tra các nội dung trình tại kỳ họp và các vấn đề trình giữa hai kỳ họp

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp (đồng/người/cuộc)	120.000	100.000	80.000
Các thành viên dự họp (đồng/người/cuộc) + Đại biểu HĐND + Khách mời và cán bộ phục vụ	100.000 80.000	80.000 60.000	60.000
Soạn thảo báo cáo thẩm tra phục vụ kỳ họp (đồng/1 báo cáo)	500.000	400.000	200.000

Soạn thảo báo cáo thẩm tra và văn bản cho ý kiến của Thường trực đối với các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp (đồng/01 vấn đề).	300.000	200.000	100.000
---	---------	---------	---------

4. Chi họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (tỉnh và huyện), chi hoạt động tiếp xúc cử tri

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Đại biểu dự họp Tổ Đại biểu HĐND trước, sau và giữa hai kỳ họp (đồng/ người/ cuộc): + Đại biểu HĐND (đồng/người/cuộc) + Đại biểu còn lại (đồng/người/cuộc)	100.000 80.000	80.000 60.000	
- Chi cho đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ tiếp xúc cử tri (đồng/người/cuộc) + Đại biểu HĐND + Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ (đồng/người/cuộc)	100.000 80.000 (không quá 15 người)	80.000 60.000 (không quá 15 người)	60.000 50.000 (không quá 15 người)
Báo cáo kết quả thảo luận của Tổ đại biểu; báo cáo kết quả TXCT của Tổ (đồng/01 báo cáo/tổ)	100.000	80.000	60.000

5. Chi hỗ trợ cho hoạt động khảo sát, giám sát của Thường trực, các Ban và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Trưởng đoàn khảo sát, giám sát (đồng/người/cuộc)	120.000	100.000	80.000
Đại biểu HĐND (đồng/người/cuộc)	100.000	80.000	60.000
Các đại biểu theo thư mời (đồng/người/cuộc)	80.000	60.000	50.000
Cán bộ phục vụ khảo sát, giám sát (đồng/người/cuộc)	80.000	60.000	50.000
Xây dựng nội dung khảo sát, giám sát (bao gồm chuyên đề và thường xuyên) (đồng/01 nội dung)	500.000	400.000	200.000

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, giám sát (đồng/báo cáo)	500.000	400.000	200.000

Điều 3. Sửa đổi một số nội dung chi tại khoản 6 Điều 4: Chi tổ chức Tiếp công dân của Đại biểu Hội đồng nhân dân

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Cán bộ, công chức trực tiếp phục vụ đại biểu HĐND tiếp công dân (đồng/người/ngày)	80.000	60.000	50.000

Điều 4. Điều chỉnh một số nội dung chi tại điểm 8.1 và điểm 8.2 của khoản 8 Điều 4: Chi cho công tác xã hội

1. Chi hỗ trợ cho thăm hỏi, đăm tang: Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện cho đại biểu Hội đồng nhân dân.

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Đại biểu HĐND đau ốm nằm viện được chi thăm hỏi không quá 2 lần/năm theo mức chi: đồng/đại biểu/lần	1.000.000	800.000	600.000

2. Thường trực HDND tổ chức thăm hỏi đối tượng chính sách nhân dịp lễ, Tết (1 lần/năm)

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Cá nhân gia đình chính sách (đồng/người)	1.000.000	800.000	600.000

Điều 5. Điều chỉnh nội dung tại khoản 9 Điều 4: Chi hoạt động chất vấn do Thường trực HĐND tổ chức

1. Điều chỉnh bỏ nội dung chi “Trực tiếp tham gia phiên chất vấn (người/cuộc” được quy định tại khoản 9 Điều 4 “Chi hoạt động chất vấn do Thường trực HĐND tổ chức”.

2. Chi cho đại biểu tham dự phiên chất vấn và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ

- Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/ngày;
- Cấp huyện: 60.000 đồng/người/ngày;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/ngày.

Điều 6. Bổ sung nội dung chi khác

- Chi viết các bài phát biểu của lãnh đạo tại các hội nghị của Thường trực, các Ban của HĐND

ĐVT: đồng

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Các bài phát biểu (khai mạc, tham luận, báo cáo đề dẫn, bế mạc, thông báo kết quả hội nghị) (đồng/1 văn bản)	300.000	200.000	100.000

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Cần